



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ 3

Năm 2017



Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Mẫu số B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,805,261,882,268	1,736,418,709,247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		180,080,751,333	231,191,439,679
1. Tiền	111	V.1	120,880,751,333	154,176,575,255
2. Các khoản tương đương tiền	112		59,200,000,000	77,014,864,424
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	46,416,281,855	48,444,445,855
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50,844,913,855	51,869,913,855
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(14,338,632,000)	(15,175,468,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9,910,000,000	11,750,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		550,698,616,929	545,397,552,956
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	368,127,555,280	398,763,820,419
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40,965,590,285	73,008,332,043
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15,000,000,000	3,000,000,000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	127,399,035,001	71,418,964,131
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(793,563,637)	(793,563,637)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	975,068,935,934	845,503,520,873
1. Hàng tồn kho	141		999,507,488,976	870,589,928,463
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24,438,553,042)	(25,086,407,590)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52,997,296,217	65,881,749,884
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12,305,016,689	18,470,655,349
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	39,105,038,116	46,497,201,276
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,587,241,412	913,893,259
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,977,114,340,681	1,601,399,267,878
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		162,313,785,261	137,654,838,220
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	166,463,785,261	141,804,838,220
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(4,150,000,000)	(4,150,000,000)
II. Tài sản cố định	220		345,756,353,629	248,463,382,989
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	317,702,938,873	220,610,926,831
- Nguyên giá	222		478,907,418,606	350,850,311,584

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161,204,479,733)	(130,239,384,753)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	28,053,414,756	27,852,456,158
- Nguyên giá	228		36,117,768,116	34,342,442,441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,064,353,360)	(6,489,986,283)
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	713,463,565,484	656,960,899,324
- Nguyên giá	241		879,362,068,763	805,606,585,211
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(165,898,503,279)	(148,645,685,887)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	425,006,214,647	334,830,529,720
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		425,006,214,647	334,830,529,720
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	305,797,530,644	204,259,591,217
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		292,517,266,644	191,844,327,217
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13,280,264,000	12,415,264,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24,776,891,016	19,230,026,408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		21,614,450,731	16,054,171,416
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	3,162,440,285	3,175,854,992
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,782,376,222,949	3,337,817,977,125
<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,570,219,488,979	2,165,332,684,786
I. Nợ ngắn hạn	310		1,989,029,247,648	1,604,378,313,823
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	170,708,351,055	183,206,146,897
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		119,424,386,082	124,334,860,408
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	18,767,408,556	40,930,607,637
4. Phải trả người lao động	314		46,429,952,670	65,124,231,200
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	47,556,740,871	44,026,701,271
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	3,082,826,804	6,807,126,251
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	480,938,062,210	159,644,926,422
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	1,087,914,478,851	957,951,034,891
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		182,518,182	184,554,545
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14,024,522,367	22,168,124,301
II. Nợ dài hạn	330		581,190,241,331	560,954,370,963
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	91,017,763,548	90,316,000,000

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
5. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	106.549.479.512	111.020.646.268
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	383.622.998.271	359.617.724.695
7. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
8. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.16	-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	1.212.156.733.970	1.172.485.292.339
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.212.156.733.970	1.172.485.292.339
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.955.730.000	249.955.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.955.730.000	249.955.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.650.000.000	2.550.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(690.474.358)	(690.474.358)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.839.646.192	46.657.038.976
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		280.534.108.008	261.454.985.027
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		313.802.865.825	295.493.154.391
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		3.782.376.222.949	3.337.817.977.125

Người lập biểu



Phạm Thị Kim Khoa

Kế toán trưởng



Ngô Văn Danh

Ngày 25 tháng 10 năm 2017



Tổng Giám đốc

Mai Việt Hà



SAIGON
Saigon General Service Corporation
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Q3/2017	Q3/2016	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.468.768.788.997	3.351.941.355.513	10.195.050.275.531	9.391.470.316.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.517.361.851	1.522.629.646	12.442.300.137	7.123.843.954
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.460.251.427.146	3.350.418.725.867	10.182.607.975.394	9.384.346.472.677
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.288.578.739.580	3.183.846.571.421	9.666.148.530.144	8.914.069.066.030
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		171.672.687.566	166.572.154.446	516.459.445.250	470.277.406.647
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.714.680.624	5.260.913.856	14.179.868.553	11.642.741.750
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.5	24.923.494.816	19.533.980.764	77.223.167.692	49.633.202.237
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.447.339.341	19.241.133.804	67.714.896.296	48.709.080.408
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.295.052.634)	11.016.697.303	8.580.447.074	15.435.645.472
9. Chi phí bán hàng	25		109.156.949.713	83.175.096.264	305.914.925.024	220.476.295.693
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		56.564.814.608	50.793.948.161	166.785.604.174	139.849.347.458
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.552.943.581)	29.346.740.416	(10.703.936.013)	87.396.948.481
12. Thu nhập khác	31	VI.6	43.670.314.181	21.749.533.648	132.857.088.435	50.663.932.877
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.548.688.829	1.316.065.997	6.512.230.618	3.263.827.953
14. Lợi nhuận khác	40		42.121.625.352	20.433.467.651	126.344.857.817	47.400.104.924
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.568.681.771	49.780.208.067	115.640.921.804	134.797.053.405
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	5.864.767.447	7.800.361.424	21.448.649.334	23.954.027.912
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.703.914.324	41.979.846.643	94.192.272.470	110.843.025.493
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10.787.042.557	26.496.928.362	50.928.250.293	69.104.510.771
20. Lợi nhuận sau thuế của các cổ đông không kiểm soát	62		9.916.871.767	15.482.918.281	43.264.022.177	41.738.514.722
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		406	1.060	1.957	2.765
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

Phạm Thị Kim Khoa

Kế toán trưởng

Ngô Văn Danh

Ngày 25 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



Mai Vệt Hà

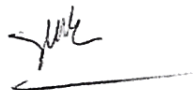
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
9 tháng năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2017	2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		115.640.921.804	134.797.053.405
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		54.377.589.796	42.197.929.067
- Các khoản dự phòng	03		(1.484.690.548)	(1.196.191.689)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.146.466.073)	(31.393.519.597)
- Chi phí lãi vay	06		67.714.896.296	48.709.080.408
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		221.102.251.275	193.114.351.594
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.372.218.700	(51.054.167.594)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(128.917.560.513)	(358.217.317.417)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		152.540.444.929	(134.003.042.182)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.873.544.431	(3.258.210.987)
- Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(68.517.323.848)	(48.457.007.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.464.467.020)	(28.260.156.038)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		169.989.107.954	(430.135.550.376)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(364.969.885.137)	(118.575.137.049)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32.731.330.704	1.327.771.953
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(41.774.371.543)	(40.610.103.236)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.207.880.000	4.806.849.941
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.085.144.651	6.974.319.274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(351.719.901.325)	(146.076.299.117)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		278.740.000	21.442.800.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.3	5.591.486.693.310	4.487.612.442.712
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.4	(5.437.517.975.774)	(3.853.442.606.178)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.627.352.511)	(60.341.996.958)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		130.620.105.025	595.270.639.576
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(51.110.688.346)	19.058.790.083
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		231.191.439.679	211.789.394.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		180.080.751.333	230.848.184.183

Người lập biểu



Phạm Thị Kim Khoa

Kế toán trưởng



Ngô Văn Danh



Mai Việt Hà



Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Mẫu số B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT0BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ 3 NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ thương mại - Bất động sản - Đầu tư tài chính
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Dịch vụ thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy các loại;
 - Dịch vụ bất động sản: kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà kho, trung tâm thương mại;
 - Đầu tư tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** 12 tháng;
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không phát sinh.
6. **Cấu trúc tập đoàn**
Tổng số các Công ty con:
 - Số lượng các công ty con: 13

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà
 - Địa chỉ: Bãi Trẹm, Quận Sơn Trà , TP.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 98%
2. Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu
 - Địa chỉ: Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 93%
3. Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh
 - Địa chỉ: 55/5 khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 90%
4. Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 88,12%
5. Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Địa chỉ: 274 đường 30/4, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 84,17%
6. Công ty Cổ phần OTOS
- Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 80,33%
7. Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn
- Địa chỉ: 43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 80%
8. Công ty Cổ phần Savico Hà Nội.
- Địa chỉ: 7-9 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 70%
9. Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng.
- Địa chỉ: 66 Võ Văn Tần, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 70%
10. Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao.
- Địa chỉ: 510 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 59,62%
11. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô.
- Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 52,05%
12. Công ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
- Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
13. Công ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
- Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%

Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

1. Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt
 - Địa chỉ: 188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
2. Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (Hyundai Cần Thơ)
 - Địa chỉ: 91 Cách Mạng Tháng 8, P.An Thới, Quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 43,8%
3. Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 384A Kha Vạm Cân, KP5, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.HCM

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
- 4. Công ty Cổ phần Đầu tư Savico.
 - Địa chỉ: 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 39,5%
- 5. Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu (Volvo)
 - Địa chỉ: 340-340A Nguyễn Văn Linh, P.Bình Thuận, Quận 7, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 32%
- 6. Công ty Cổ phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 30,30%
- 7. Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương (Binhduong Ford)
 - Địa chỉ: Lô C13, Đường Hùng Vương, Khu Liên hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương;
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 27,5%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được lựa chọn tỷ giá áp dụng trong kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm thấp hơn giá gốc. Sau thời điểm lập dự phòng, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng công nợ khó đòi được thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo qui định hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<u>Loại BĐSĐT</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	18-50
Nhà cửa	5-36

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

Căn cứ tính thuế thu nhập hoãn lại là các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận căn cứ vào mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo nguyên giá.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu: theo số thực góp;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận căn cứ vào phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá cổ phiếu và chênh lệch giữa giá mua lại so với giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính: Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận theo đúng qui định bao gồm: Hàng hoá, dịch vụ bị trả lại, thuế GTGT được ghi nhận theo phương pháp trực tiếp của các loại hàng hoá theo qui định hiện hành.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí lãi vay được ghi nhận khi phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

19. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất:

- a. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát;
- b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Giao dịch nội bộ được loại trừ toàn bộ, bao gồm các khoản mục sau:

- Số dư các khoản mục công nợ, các khoản lãi chưa thực hiện nằm trong các khoản mục tài sản phát sinh giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
- Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con, liên doanh, liên kết.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
V.1. Tiền		
Tiền mặt	17.383.113.995	15.424.708.233
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	103.497.637.338	138.751.867.022

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền	59.200.000.000	77.014.864.424
Cộng	180.080.751.333	231.191.439.679

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

Nội dung	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
a. Chứng khoán kinh doanh	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP TMDV Bến Thành	162.572	162.572	-	162.572	162.572	-
Công ty CP Việt Thái	8.042.676.000	7.744.044.000	(298.632.000)	8.042.676.000	7.028.208.000	(1.014.468.000)
Công Ty CP ĐTXD và TM Thái Bình Dương	14.000.000.000	5.000.000.000	(9.000.000.000)	14.000.000.000	5.000.000.000	(9.000.000.000)
Công Ty CP DL Bến Thành Non Nước	9.000.000.000	9.000.000.000	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-
Công Ty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	6.300.000.000	1.260.000.000	(5.040.000.000)	6.300.000.000	1.260.000.000	(5.040.000.000)
Công ty CP TASCO	-	-	-	1.025.000.000	904.000.000	(121.000.000)
Công ty CP ĐT KD Tổng Hợp Điện Lực	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-
Công ty CP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	22.740	22.740	-	22.740	22.740	-
Công ty CP chứng khoán Hải Phòng	2.052.543	2.052.543	-	2.052.543	2.052.543	-
Tổng cộng	50.844.913.855	36.506.281.855	(14.338.632.000)	51.869.913.855	36.694.445.855	(15.175.468.000)
b. Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Comfortdelgro Savico Taxi	35.535.232.638	-	35.535.232.638	34.766.236.353	-	34.766.236.353
Công ty CP DANA	17.193.104.276	-	17.193.104.276	12.741.640.310	-	12.741.640.310
Công Ty CP TOYOTA Đông Sài Gòn ⁽¹⁾	72.039.985.686	-	72.039.985.686	61.082.122.037	-	61.082.122.037
Công ty CP Đầu tư SAVICO ⁽²⁾	63.088.471.632	-	63.088.471.632	-	-	-
Công ty CP DV ô tô TP mới Bình Dương	15.963.792.158	-	15.963.792.158	14.917.853.871	-	14.917.853.871
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	20.772.705.758	-	20.772.705.758	13.457.567.475	-	13.457.567.475
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	28.454.857.765	-	28.454.857.765	33.739.344.765	-	33.739.344.765
Công ty CP Ô tô Bắc Âu	25.770.370.666	-	25.770.370.666	17.512.179.606	-	17.512.179.606
Công ty CP Đầu tư TMDV Ô tô Nam Sài Gòn	3.893.046.141	-	3.893.046.141	3.627.382.800	-	3.627.382.800
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	4.583.071.326	-	4.583.071.326	-	-	-
Công ty CP Ô tô Bến Thành Tây	5.222.628.598	-	5.222.628.598	-	-	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ninh						
Cộng	292.517.266.644	-	292.517.266.644	191.844.327.217	-	191.844.327.217
- Đầu tư dài hạn khác						
Đầu tư dài hạn khác của các công ty con	13.280.264.000	-	13.280.264.000	12.415.264.000	-	12.415.264.000
Cộng	13.280.264.000	-	13.280.264.000	12.415.264.000	-	12.415.264.000

⁽¹⁾ Trong kỳ, Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn tăng vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu thay đổi còn 30,30%

⁽²⁾ Trong kỳ, Công ty có thực hiện chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào Công ty Cổ Phần Đầu tư Savico. Sau chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ Phần Đầu tư Savico là 39,5% và do đó khoản đầu tư này được phân loại sang khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết

V.3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khách hàng mua xe Ford	159.123.715.948	201.165.487.489
- Khách hàng mua xe Toyota	98.405.084.243	91.833.097.512
- Khách hàng mua xe GM	31.975.150.744	19.106.749.193
- Khách hàng mua xe Hyundai	18.846.834.579	23.429.666.406
- Các khoản phải thu khách hàng khác	59.776.769.766	63.228.819.819
Cộng	368.127.555.280	398.763.820.419

V.4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	23.097.700	-	8.738.144.365	-
- Vật tư và phụ tùng thay thế	10.556.026.032	(2.462.978.381)	8.358.691.736	(3.110.832.929)
- Chi phí SXKD dở dang	109.558.965.352	(21.975.574.661)	98.413.666.982	(21.975.574.661)
- Thành phẩm	-	-	766.459.655	-
- Hàng hoá	878.919.911.513	-	754.067.412.038	-
- Hàng gửi đi bán	449.488.379	-	245.553.688	-
Cộng	999.507.488.976	(24.438.553.042)	870.589.928.463	(25.086.407.590)

V.5. Phải thu khác

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	127.399.035.001	(793.563.637)	71.418.964.131	(793.563.637)
- Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	5.035.621.014	-	4.240.733.334	-
- Phải thu khác	122.363.413.987	(793.563.637)	67.178.230.797	(793.563.637)
b. Dài hạn	166.463.785.261	(4.150.000.000)	141.804.838.220	(4.150.000.000)
- Ký cược, ký quỹ	47.784.272.912	(4.150.000.000)	17.673.576.021	(4.150.000.000)

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Góp vốn hợp tác đầu tư ⁽³⁾	113.408.861.568	-	113.406.731.568	-
- Phải thu khác	5.270.650.781	-	10.724.530.631	-
Cộng	293.862.820.262	(4.943.563.637)	213.223.802.351	(4.943.563.637)

⁽³⁾ Chi tiết các khoản mục **Góp vốn hợp tác đầu tư** như sau:

	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Trung tâm tiệc cưới Melisa (hợp tác Công ty CP TITCO)	11.242.855.756	-
- Dự án 9-15 Lê Minh Xuân (hợp tác Công ty CP TITCO)	792.176.070	-
- Dự án khu nhà ở Phường Bình An, Q.2 (hợp tác THUĐUC HOUSE)	42.943.996.276	-
- Dự án Long Hòa - Cần Giờ (Hợp tác Công ty CP FIDECO)	58.429.833.466	-
Cộng	113.408.861.568	-

V.6. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án 104 Phở Quang	320.695.872.867	37.264.371.710
- Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc	243.853.083	243.853.083
- Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	119.404.383.323
- Dự án TTTM Auto Mall SVC Đà Nẵng	-	16.156.292.671
- Dự án Mercure Sơn Trà, Đà Nẵng	84.351.999.406	84.351.999.406
- DA mở rộng xưởng DV Toyota Cần Thơ	62.727.273	16.835.211.045
- Xây dựng showroom Fuso Tây Bắc Sài Gòn	-	9.671.858.522
- Xây dựng showroom Honda Nam Sông Hậu	-	45.690.790.037
- Dự án Hino ĐakLak	40.000.000	40.000.000
- Cải tạo sửa chữa showroom Hyundai Bình Định	-	3.422.326.923
- Dự án TTTM Gia Thụy (Hà Nội)	3.971.845.286	1.739.843.000
- Xưởng dịch vụ Hino	2.118.831.702	-
- Dự án Toyota Nam Định	12.027.740.000	-
- Dự án mở rộng xưởng dịch vụ của Toyota Hải Dương	75.798.700	-
- Sửa chữa cửa hàng xe gắn máy Yamaha Cần Thơ	97.446.330	-
- Công trình xây dựng showroom Quốc Lộ 22 (Fuso)	280.000.000	-
- Xe Honda Accord 2.4S AT chạy thử	1.029.190.909	-
- Dự án khác	10.909.091	9.600.000
Cộng	425.006.214.647	334.830.529.720

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc:	Tiếp tục phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
+ Dự án 104 Phở Quang:	Đang hợp tác với Công ty Novaland để phát triển dự án.
+ Dự án 66-68 NKKN:	Đã chuyển giao dự án sang cho Công ty liên kết tiếp tục xây dựng toà nhà
+ DA Mercure Sơn Trà, Đà Nẵng:	Đang tìm kiếm đối tác đầu tư.

V.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	213.337.320.935	73.788.074.576	53.164.488.888	10.560.427.185	350.850.311.584
Mua trong kỳ	428.973.636	27.063.674.711	25.043.728.819	329.509.579	52.865.886.745
Đầu tư XDCB hoàn thành	93.050.069.302	6.423.542.392	1.274.992.773	-	91.057.806.148
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.779.202.898)	(19.203.472.201)	(574.709.091)	(25.557.384.190)
Số cuối kỳ	306.816.363.873	101.496.088.781	60.279.738.297	10.315.227.673	478.907.418.606
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	69.869.439.094	38.648.674.708	15.645.412.815	6.075.858.136	130.239.384.753
Khấu hao trong kỳ	17.085.194.391	8.681.289.217	8.519.013.996	1.264.907.723	35.550.405.327
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.259.235.731)	(3.326.074.616)	-	(4.585.310.347)
Số cuối kỳ	86.954.633.485	46.070.728.194	20.838.352.195	7.340.765.859	161.204.479.733
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	143.467.881.841	35.139.399.868	37.519.076.073	4.484.569.049	220.610.926.831
Số cuối kỳ	219.861.730.388	55.425.360.587	39.441.386.084	2.974.461.814	317.702.938.873

V.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	27.157.299.091	4.472.464.000	2.712.679.350	34.342.442.441
Tăng trong kỳ	-	-	1.775.325.675	1.775.325.675
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	27.157.299.091	4.472.464.000	4.488.005.025	36.117.768.116
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	4.178.190.742	2.311.795.541	6.489.986.283
Khấu hao trong kỳ	-	176.544.630	1.397.822.447	1.574.367.077
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	4.354.735.372	3.709.617.988	8.064.353.360
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	27.157.299.091	294.273.258	400.883.809	27.852.456.158
Số cuối kỳ	27.157.299.091	117.728.628	778.387.037	28.053.414.756

V.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	805.606.585.211	73.755.483.552	-	879.362.068.763
- Nhà cửa	736.899.537.661	-	-	736.899.537.661
- Nhà và Quyền sử dụng đất	68.707.047.550	73.755.483.552	-	142.462.531.102
Giá trị hao mòn	148.645.685.887	17.252.817.392	-	165.898.503.279

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nhà cửa	134.058.729.625	13.581.927.405	-	147.640.657.030
- Nhà và Quyền sử dụng đất	14.586.956.262	3.670.889.987	-	18.257.846.249
Giá trị còn lại	656.960.899.312	73.755.483.552	17.728.435.694	713.463.565.484
- Nhà cửa	602.840.808.024	-	13.581.927.405	589.258.880.631
- Nhà và Quyền sử dụng đất	54.120.091.288	73.755.483.552	3.670.889.987	124.204.684.853

V.10. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	1.077.514.478.851	1.077.514.478.851	5.511.434.656.331	5.357.735.995.171	923.815.817.691	923.815.817.691
Ngân hàng HSBC	62.257.547.600	62.257.547.600	383.670.526.100	411.058.303.300	89.645.324.800	89.645.324.800
Ngân hàng ANZ	43.259.078.800	43.259.078.800	105.808.955.300	94.715.597.750	32.165.721.250	32.165.721.250
Ngân hàng Ngoại Thương	330.453.187.672	330.453.187.672	1.753.344.358.641	1.658.531.761.226	235.640.590.257	235.640.590.257
Ngân hàng TMCP Quân Đội	28.205.716.950	28.205.716.950	135.812.390.767	173.672.637.317	66.065.963.500	66.065.963.500
Sacombank	-	-	2.855.730.000	22.119.835.259	19.264.105.259	19.264.105.259
Ngân hàng Mitsubishi	-	-	55.000.000.000	182.500.000.000	127.500.000.000	127.500.000.000
Ngân hàng Sumitomo	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng MIZUHO	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
.Ngân hàng Bảo Việt	-	-	44.469.888.000	71.028.838.000	26.558.950.000	26.558.950.000
Techcombank	-	-	10.613.350.000	16.820.650.000	6.207.300.000	6.207.300.000
Ngân hàng Vietinbank	596.463.387.379	596.463.387.379	2.860.299.816.248	2.517.678.765.221	253.842.336.352	253.842.336.352
VPbank	2.422.585.000	2.422.585.000	17.414.090.500	35.284.594.773	20.293.089.273	20.293.089.273
Ngân hàng Phương Đông	-	-	5.000.000.000	7.870.005.000	2.870.005.000	2.870.005.000
Ngân hàng Quốc tế	236.402.100	236.402.100	65.684.848.750	83.910.878.650	18.462.432.000	18.462.432.000
Ngân hàng BIDV	12.516.573.350	12.516.573.350	69.660.702.025	57.144.128.675	-	-
Đối tượng khác	1.700.000.000	1.700.000.000	1.800.000.000	400.000.000	300.000.000	300.000.000
b. Vay dài hạn	394.022.998.271	394.022.998.271	80.052.036.979	79.781.980.603	393.752.941.895	393.752.941.895
+ Thanh toán trong vòng 12 tháng:	10.400.000.000	10.400.000.000	17.281.616.000	41.016.833.200	34.135.217.200	34.135.217.200
Ngân hàng Ngoại Thương	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	16.300.000.000	16.300.000.000	16.300.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	-	4.532.512.000	4.532.512.000	4.532.512.000
Ngân hàng Eximbank	-	-	-	3.019.208.400	3.019.208.400	3.019.208.400
Ngân hàng Vietinbank	2.400.000.000	2.400.000.000	5.450.364.000	5.933.860.800	2.883.496.800	2.883.496.800
Ngân hàng VPBank	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Phương Đông	-	-	-	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Ngân hàng PVcombank	-	-	3.831.252.000	3.831.252.000	-	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Thanh toán trong vòng trên 12 tháng:	383.622.998.271	383.622.998.271	62.770.420.979	38.765.147.403	359.617.724.695	359.617.724.695
Ngân hàng Công Thương	18.720.268.334	18.720.268.334	301.518.000	3.661.629.000	22.080.379.334	22.080.379.334
Ngân hàng PVcomBank	12.002.361.993	12.002.361.993	4.410.900.210	4.999.174.000	12.590.635.783	12.590.635.783
Ngân hàng Ngoại Thương	341.460.857.893	341.460.857.893	55.885.046.425	17.250.000.000	302.825.811.468	302.825.811.468
Ngân hàng Eximbank	-	-	397.700.344	11.342.892.022	10.945.191.678	10.945.191.678
Ngân Hàng Quân Đội	1.184.542.158	1.184.542.158	875.256.000	911.452.381	1.220.738.539	1.220.738.539
Ngân Hàng Phương Đông	9.200.000.000	9.200.000.000	900.000.000	600.000.000	8.900.000.000	8.900.000.000
Ngân Hàng Quốc Tế	1.054.967.893	1.054.967.893	-	-	1.054.967.893	1.054.967.893
Cộng	1.471.537.477.122	1.471.537.477.122	5.591.486.693.310	5.437.517.975.774	1.317.568.759.586	1.317.568.759.586

V.11. Phải trả người bán

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	170.708.351.055	170.708.351.055	183.206.146.897	183.206.146.897
- Công nợ Ford	25.432.235.392	25.432.235.392	35.124.542.045	35.124.542.045
- Công nợ Toyota	30.032.387.052	30.032.387.052	23.245.828.797	23.245.828.797
- Công nợ Hyundai	12.800.373.533	12.800.373.533	76.173.317.629	76.173.317.629
- Phải trả cho các đối tượng khác	102.267.843.913	102.267.843.913	48.662.458.426	48.662.458.426

V.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Phải nộp	40.930.607.637	832.969.830.077	855.133.029.158	18.767.408.556
- Thuế giá trị gia tăng	18.010.207.655	510.392.601.857	524.669.860.001	3.732.949.511
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.438.002.792	21.448.649.334	28.464.467.020	10.422.185.106
- Thuế thu nhập cá nhân	3.823.286.194	8.115.736.332	9.718.694.559	2.220.327.967
- Các khoản phải nộp khác	1.659.110.996	293.012.842.554	292.280.007.578	2.391.945.972
b. Phải thu	47.411.094.535	673.348.153	7.392.163.160	40.692.279.528
- Thuế GTGT được khấu trừ	46.497.201.276	-	7.392.163.160	39.105.038.116
- Phải thu khác	913.893.259	673.348.153	-	1.587.241.412

V.13. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	47.556.740.871	44.026.701.271
- Chi phí lãi vay	670.891.728	1.473.319.280
- Chi phí thuê	-	-
- Chi phí lương và các chi phí liên quan	3.417.992.910	4.712.465.726

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phí dịch vụ chuyên nghiệp	8.424.900.000	8.452.000.000
- Chi phí sản xuất kinh doanh	35.042.956.233	29.388.916.265

V.14. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	480.938.062.210	159.644.926.422
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	164.945.145	159.883.505
- Nhận hỗ trợ vốn	-	-
- Nhận góp vốn các dự án ⁽⁴⁾	392.045.667.343	134.854.479.382
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.727.449.722	24.630.563.535
b. Dài hạn	106.549.479.512	111.020.646.268
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	50.932.589.348	44.588.778.116
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	55.616.890.164	66.431.868.152
Cộng	587.487.541.722	270.665.572.690

⁽⁴⁾ Các khoản nhận góp vốn các dự án:

- Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	53.386.037.797	48.784.436.509
- Dự án 104 Phổ Quang	338.659.629.546	86.070.042.873
Cộng	392.045.667.343	134.854.479.382

V.15. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.082.826.804	6.807.126.251
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	91.017.763.548	90.316.000.000
Cộng	94.100.950.352	97.123.126.251

V.16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.162.440.285	3.175.854.992
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.162.440.285	3.175.854.992
- Các khoản chuyển lỗ	-	-

V.17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu ⁽⁵⁾	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Vốn chủ sở hữu
Số dư 01/01/2016	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	-	43.550.163.077	198.727.250.046	252.525.118.016	1.061.132.645.084
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	122.992.852.474	50.826.950.026	173.819.802.500
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	3.106.875.899	(22.749.407.693)	-	(19.642.531.794)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(34.965.709.800)	(30.251.713.651)	(65.217.423.451)
Tăng/ giảm khác trong kỳ	-	-	-	2.550.000.000	-	(2.550.000.000)	22.392.800.000	19.842.800.000
Số dư 01/01/2017	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	2.550.000.000	46.657.038.976	261.454.985.027	295.493.154.391	1.172.485.292.339
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	50.928.250.293	43.264.022.177	94.192.272.470

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	238.785.816	(1.661.582.000)	(1.005.772.990)	(2.428.569.174)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(23.627.352.511)	(53.597.960.911)
Tăng/ giảm khác trong kỳ	-	-	-	2.100.000.000	(56.178.600)	(216.936.912)	(312.185.242)	1.505.699.246
Số dư 30/09/2017	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	4.650.000.000	46.839.646.192	280.534.108.008	313.802.865.825	1.212.156.733.970

⁽⁵⁾ Phần vốn tăng từ lợi nhuận giữ lại (Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	101.928.230.000	101.928.230.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	148.027.500.000	148.027.500.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	249.955.730.000	249.955.730.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	34.965.709.800	29.970.608.400

Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2017 ngày 31/03/2017 đã thông qua tỉ lệ chi trả cổ tức cho năm 2016 là 12% trên mệnh giá, công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 vào ngày 25/9/2017.

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573
+ Cổ phiếu phổ thông	24.995.573	24.995.573
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.066	20.066
+ Cổ phiếu phổ thông	20.066	20.066
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.975.507
+ Cổ phiếu phổ thông	24.975.507	24.975.507
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
VI.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.468.768.788.997	3.351.941.355.513
- Doanh thu bán hàng	3.225.073.415.262	3.007.318.564.966

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu cung cấp dịch vụ	243.695.373.735	344.622.790.547
- Doanh thu bán BĐS	-	-

VI.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	8.517.361.851	1.522.629.646
---	----------------------	----------------------

Trong đó:

- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	-	-
- Hàng bán bị trả lại	8.360.961.450	1.327.818.183
- Giảm giá hàng bán	156.400.401	194.811.463

VI.3. Giá vốn hàng bán	Quý 3/2017	Quý 3/2016
-------------------------------	-------------------	-------------------

- Giá vốn của hàng hoá đã bán	3.127.918.319.976	2.908.912.650.576
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	160.660.419.604	274.933.920.845
- Giá vốn của BĐS	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-

Cộng	3.288.578.739.580	3.183.846.571.421
-------------	--------------------------	--------------------------

VI.4. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3/2017	Quý 3/2016
--	-------------------	-------------------

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	857.048.615	651.520.222
- Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	127.000.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	2.443.674.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	20.104	146.777
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.857.611.905	2.038.572.857

Cộng	4.714.680.624	5.260.913.856
-------------	----------------------	----------------------

VI.5. Chi phí tài chính	Quý 3/2017	Quý 3/2016
--------------------------------	-------------------	-------------------

- Lãi tiền vay	23.447.339.341	19.241.133.804
- Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	600
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	83.019.698
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
- Chi phí tài chính khác	1.476.155.475	209.826.662

Cộng	24.923.494.816	19.533.980.764
-------------	-----------------------	-----------------------

VI.6. Thu nhập khác	Quý 3/2017	Quý 3/2016
----------------------------	-------------------	-------------------

- Tiền phạt thu được	519.326.993	10.000.000
- Thanh lý tài sản	188.033.737	57.982.077
- Các khoản khác	42.962.953.451	21.681.551.571

Cộng	43.670.314.181	21.749.533.648
-------------	-----------------------	-----------------------

VI.7. Chi phí khác	Quý 3/2017	Quý 3/2016
---------------------------	-------------------	-------------------

- Thanh lý tài sản	-	248.008.268
- Các khoản khác	1.548.688.829	1.068.057.729

Cộng	1.548.688.829	1.316.065.997
-------------	----------------------	----------------------

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 3/2017	Quý 3/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.864.767.447	7.800.361.424

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- VII.1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có
- VII.2. Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo:
- VII.3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 5.591.486.693.310 đồng
- VII.4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 5.437.517.975.774 đồng

VIII. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH QUÝ 3/2017 SO VỚI QUÝ 3/2016

Chỉ tiêu	Quý 3/2017	Quý 3/2016	Chênh lệch	
			+/ -	%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(15.552.943.581)	29.346.740.416	(44.899.683.997)	-153,0%
Lợi nhuận khác	42.121.625.352	20.433.467.651	21.688.157.701	106,1%
Phần lãi hoặc lỗ từ công ty liên kết	(1.295.052.634)	11.016.697.303	(12.311.749.937)	-111,8%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.568.681.771	49.780.208.067	(23.211.526.296)	-46,6%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.703.914.324	41.979.846.643	(21.275.932.319)	-50,7%
Thu nhập thuộc các cổ đông Công ty mẹ	10.787.042.557	26.496.928.362	(15.709.885.805)	-59,3%
Thu nhập thuộc các cổ đông không kiểm soát	9.916.871.767	15.482.918.281	(5.566.046.514)	-35,9%

Trong quý 3/2017, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế hợp nhất, thu nhập cổ đông công ty mẹ và thu nhập cổ đông không kiểm soát giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước là do tình hình kinh doanh đặc biệt khó khăn của các đơn vị ô tô, áp lực giải phóng hàng tồn kho, cạnh tranh gay gắt giảm giá bán, làm cho hoạt động kinh doanh thuần không có hiệu quả. Trong toàn hệ thống, ghi nhận sự nỗ lực của các đơn vị ô tô đã tranh thủ sự hỗ trợ từ những khoản thường của nhà cung cấp, giúp cho lợi nhuận khác tăng, góp phần mang lại hiệu quả cho quý 3/2017.

Theo dự báo, diễn biến thị trường kinh doanh ô tô có thể còn nhiều biến động và giảm sâu trong quý 4/2017.

Tp.HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC









Phạm Thị Kim Khoa

Ngô Văn Danh

Mai Việt Hà